

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẠ HÒA
TỈNH PHÚ THỌ**

Số: 193/2019/QĐST-HNGĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hạ Hòa, ngày 23 tháng 9 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 236/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm: 1985;

Bị đơn: Anh **Trần Quang T1**, sinh năm: 1984;

Đều trú tại: khu 4, xã P, huyện H, tỉnh Phú Thọ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 9 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 9 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm: 1985;

Và anh **Trần Quang T1**, sinh năm: 1984;

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

+ **Về con chung:** Chị T và anh T1 xác nhận vợ chồng có 02 con chung là Trần Quang L, sinh ngày 24/7/2004 và Trần Quang L1, sinh ngày 30/01/2009. Sau khi ly hôn hai bên thống nhất thoả thuận: Giao cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Trần Quang L, sinh ngày 24/7/2004 cho đến khi cháu L thành niên. Giao cho anh T1 được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Trần Quang L1, sinh ngày 30/01/2009 cho đến khi cháu L thành niên. Chị T,

anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Hai bên có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

+ **Về tài sản chung:** Chị T và anh T1 đều thống nhất lập biên bản tự thỏa thuận với nhau ngày 22/7/2019, không yêu cầu giải quyết.

+ **Về công nợ chung:** Chị T và anh T1 đều xác nhận còn nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện Hạ Hòa số tiền gốc là 35.000.000đ. Sau khi ly hôn chị T và anh T1 tự thỏa thuận: Anh T1 có trách nhiệm trả số nợ gốc trên và lãi phát sinh cho Ngân hàng và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ **Về án phí:** Chị T tự nguyện xin chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị T đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0001915 ngày 16/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ. Hoàn trả lại cho chị T 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

“Trò hợp quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Hòa;
- Chi cục thi hành án Dân sự huyện Hạ Hòa;
- UBND xã P;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đã ký

Đặng Xuân Quân